

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 49

- Bốn Luận Âm Quảng Bách - Tuệ Lâm một quyển.
- Quảng Bách Luận Thích - mười quyển - Huyền Ứng.
- Thập Trụ Tỳ-bà-sa Luận mười bốn quyển - Huyền Ứng.
- Bồ-đề Tư Lương Luận sáu quyển - Tuệ Lâm.
- Đại Thừa Trang Nghiêm Luận mười ba quyển - Tuệ Lâm.
- Đại Trang Nghiêm Luận mười lăm quyển - Huyền Ứng.
- Thuận Trung Luận hai quyển - Tuệ Lâm.
- Nhiếp Đại Thừa Luận ba quyển - Tuệ Lâm.

Bên phải tám Luận sáu mươi bốn quyển. Đồng âm với quyển này.

QUẢNG BÁCH LUẬN BỐN - *Sa-môn Tuệ Lâm soạn.*

Chúng đố. Ngược lại âm đô cố. Theo sách Mục Thiên Tử Truyện ghi rằng: Chữ đố, nghĩa là con mọt, sâu mọt ăn sách, ăn sách vỡ mục nát. Theo văn nói ghi rằng: Con mọt ở trong ăn gỗ. Chữ viết từ hai bộ trùng đến bộ trung niên, Thạch. Thanh tĩnh; hoặc viết chữ đố này, cũng giống chữ đố này; nghĩa là mọt ở trong gỗ, chữ tượng hình.

Đình dung tiêu. Âm trên là đình đỉnh. Hứa kế trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Đình là ống đồng, thiết nung nấu chảy ra, kế đến là âm dung; sách vận thuyên tập ghi rằng: Dung là túc, khuôn đúc. Âm dưới là tiêu. Theo văn nói ghi rằng: tiêu là nung chảy ra tiêu mất, tiêu hủy, nghĩa là nung kim loại cho chảy ra. Âm thước ngược lại âm thương triết. Đây là ba chữ đều từ bộ kim. Thanh chữ tượng hình.

Liệu tà tông. Ngược lại âm trên là liễu điều lực triệu hai âm. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Liệu là lửa cháy lan cả cánh đồng. Theo văn nói gọi là phóng hỏa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh

hình. Chữ dưới là âm tựa da. Theo văn tự tập gọi là, không vuông, chánh gọi tà, nghĩa là nghiêng: Cũng là văn thông dụng chữ thường hay dùng; chữ chánh thể viết chữ ở trong từ bộ nha trên, dưới từ bộ y.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Tuần pháp. Ngược lại âm tựa tôn. Sách Nhĩ Nhã chú giải rằng: Tuần tự thứ tự cũng gọi là tuần hành, cũng gọi là biến khắp; cũng viết là tuần. Tuần là trải qua vậy.

Tạp nhu. Ngược lại âm nữ cứu. Theo văn nói gọi là tạp hạn, nghĩa ăn cơm lộn xộn. Nay gọi khác đi các sắc vật hòa trộn lẫn vào gọi là nhu. Nghĩa là lộn xộn, lẫn lộn với nhau.

Cự hữu Ngược lại âm cự câu. Cự là sao? Tại sao? Chưa, gọi là chưa hiểu rõ; hỏi lại sao? Thế nào v.v...

Tát-đỏa-lặc-xà-hợp-ma. Âm lặc, ngược lại âm lặc đạt. hợp ma. Đây dịch ám tối bao hàm nhiều nghĩa; không thể phiên dịch được. Xưa nói rằng: Mừng vui, lo buồn, gọi là ám. Lại nói rằng: Thô nhiễm là tên khác vậy.

Táo cảnh. Ngược lại âm cư ảnh. Cảnh là nhắc nhở phòng bị, cẩn thận; Quảng Nhã cho rằng: Cảnh là không an ổn vậy.

Hải lãng. Ngược lại âm hồ ai. Tam Thương giải thích rằng: Hải là sợ sệt. Quảng Nhã cho rằng: Hải là sóng gió nổi lên đáng sợ.

Bôn đào. Ngược lại âm đồ đào. Thương Hiệt giải thích rằng: đào là sóng lớn.

Khái thô. Ngược lại âm thiết lại. Theo văn nói cho rằng: Khái là tưới, rót nước vậy.

Dung đồng. Âm trên là dung. Ngược lại âm dĩ chung. Ở vùng Giang Nam cho rằng đây là âm để gọi: Nghĩa dung đồng là nung cho chảy tiêu ra nước; nung kim loại, đồng sắc chảy ra thành nước.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 2

Ba-la-xà-thọ tiếng Phạm. Đây dịch là cây trở hoa màu đỏ; cây ngâm ra chất nước màu rất đỏ, đỏ đậm; dùng để nhuộm. Nay gọi là khoáng chất màu tím vậy.

Ký luận ngoại đạo tức là phái Tỳ-già-la Luận vậy.

Chúng đố. Ngược lại âm đô cố. Theo chữ Lâm đố là con mọt ở trong gỗ, nó có thể ăn xuyên qua các đồ vật dụng của người; giống như cá bạch ngư có thể ăn thịt người v.v...

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 3

Thời ngấn. Ngược lại âm hồ căn. Theo văn thông dụng cho rằng: ngấn là vết sẹo; gọi là dấu vết bị thương tích còn để lại vết sẹo.

Chủ tế. Ngược lại âm Tổ đãi. Theo sách Lễ Ký ghi rằng: tế là phu tức là chức quan, là người có tài, cũng gọi là kẻ hiền tài, chủ hiến là dâng tặng, người cống hiến tài năng cho đất nước. Trịnh Huyền cho rằng: Là một vị quan Tế phu chuyên trách làm thức ăn cho vua.

Đa-la quả. Tiếng Phạm tên của loại cây; này hình giống như cây Tông Lưu, cây cọ (màu nâu) cây thẳng mà rất cao lớn, trở hoa màu trắng; hoa rất to lớn; nếu như hai tay bưng quả biến thành nhiệt tức là màu đỏ, hình trạng giống như cây thạch lựu; phải trải qua trăm năm mới có hoa quả. Xưa nói là cù đa là sai vậy.

Cầu-tị. Ngược lại âm công hậu. Quảng Nhã cho rằng: Cầu là triều cửa, thành thực, thật sự.

Y đê. Ngược lại âm đình hề. Lại âm đê. Theo văn gọi là đê đường là cái đê rào quanh hồ nước đưng cho nước tràn, cùng là phòng ngự, bờ đê đắp đất cao ngăn nước gọi là đê; bờ đê làm giống như cây cầu bắc ngang qua vậy, chữ viết từ bộ phụ.

Sở xi. Ngược lại âm Thương Hiệt giải thích rằng: là khinh thường, cũng gọi là ngậy ngô chẳng biết gì, tức cười vậy.

Mê phú. Ngược lại âm mê lễ bụi cơ vào mắt gọi là mê. Nay nói là con mắt xốn, mắt cay là vậy. Tăng diễm. Ngược lại âm đồ đặng. Đặng: Gọi là nhảy vượt qua, nhảy chồm lên, cũng gọi là chạy nhanh.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 4

Đát-tống-ca. Tiếng Phạm. Ngược lại âm đô đạt. Đây là tên của Long vương. Xưa dịch là đắc-xoa-ca.

Cam soạn. Ngược lại âm sĩ quyển. Theo văn nói cho rằng: Cam là ngon. Soạn là chuẩn bị soạn đầy đủ thức ăn uống ngon, gọi là bữa ăn thịnh soạn.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 5

Biên thạch. Ngược lại âm bi miên. Gọi là biên là sắp xếp theo thứ tự. Theo chữ lâm biên là dệt; lấy dây sắp xếp theo thứ tự rồi dệt gọi là biên.

Mạc-đạt-na-quả. Tiếng Phạm, hoặc gọi là Ma-thi-na; Lại nói là Ma-thi-la; Đây dịch là quả này ăn vào rất say, rất khâm phục.

Yết-la-na. Tiếng Phạm ở Tây Vực các nước phương Tây gọi là đậu; có sai khác là khi chế ra làm thức ăn; lại rất không có lợi ích cho con người, nghĩa là không có bổ dưỡng vậy.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 6

Ky ly. Ngược lại âm cư ký. Gọi là sợi dây da nối liền với cái đầu con ngựa (T634) gọi là ky, ky cũng là kiểm năm giữ lấy chế ngự, gọi là giây cương.

Đam điện. Âm trên là đô hàm. Âm dưới là vong thiện. Theo văn nói cho rằng: Quá vui, ưa thích, toàn thân trầm mình vào men rượu.

Xương quyết. Ngược lại âm xỉ dương. Âm dưới là cư nguyệt. Gọi là tính tình biến đổi, lỏng lẻo điên cuồng.

Hồ đấng. Lại viết hồ cố hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hộ cô. Theo văn nói cho rằng: hồ là cái đầu của con bò cúi rử xuống vậy.

Nạo giảo. Ngược lại âm hồ cao. Âm dưới là giao xảo. Theo văn nói cho rằng: Nạo là quấy nhiễu; giảo là nhiễu loạn.

Điên quyết. Lại viết điên này cũng đồng. Ngược lại âm đình hiền, âm dưới là cư nguyệt. Chữ điên quyết giống như chữ đốn phó, nghĩa té ngã nhào, vấp chơn té ngã nhào.

Tham giảo. Ngược lại âm ngũ giảo. Âm theo người Trung Quốc. Âm dưới lại là giảo. Âm của vùng Giang Nam. Theo văn nói cho rằng: Giảo là cắn vậ.

Hỗn tru. Ngược lại âm hồ khổn. Quảng Nhã cho rằng: Là cái chuồng nhốt lợn, là nhà xí lợn xộn đồ dơ bẩn, hoặc viết là hỗn loạn, nghĩa là hỗn loạn đồ tạp dơ vậ.

Cao du. Ngược lại âm công lao, âm dưới là du câu. Gọi là bịnh phù thủng. Cao là chất mỡ, du là cái bụng phệ nhiều mỡ.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 7

Tát-ta-la. Tiếng Phạm Tát-la; Đây dịch là đà-la. Tát đây gọi là mùi vị, nói chữ này là thanh giả mượn, mà chẳng phải thật vậ.

Tỏa nhữ. Ngược lại âm tổ ngọa. Tỏa là bể gãy cây giáo nhọn gọi là tỏa. Theo văn nói cho rằng: Tỏa cũng là bể gãy, đứt lìa cũng gọi là đè nén, ngăn chặn, bể gãy.

Từ thạch. Ngược lại âm. Bì Thương cho rằng: Từ là một loại đá, cũng gọi là chứa nhóm chất sắc, thiết.

Cổ mục. Ngược lại âm công hộ. Tam Thương cho rằng: Không có con mắt gọi là Cổ giải thích tên gọi là cổ, nghĩa là con mắt ngủ, là con mắt nhắm như ngủ, con mắt bằng hợp như da bị trống, gọi là bị mù.

Hưu Lưu Tử. Ngược lại âm hứa cầu, âm dưới là lực chu. Chữ trong sách giải thích rằng: Hưu lưu là giống cú mèo. Quảng Nhã cho rằng: Hưu lưu là con chim tu hú. Ở Sơn Đông (những người đi diễn trò) gọi là con huấn hầu (con khỉ huấn luyện để diễn trò) mở ở trong ra thì gọi là con chồn, cũng gọi là con chim quái lạ, ban ngày thì con chim nằm, con chim bay đi ăn vào ban đêm, tiếng kêu rất quái lạ. Tiếng Phạm gọi là Ưu-lâu-ca-ca, là tạo ra tiếng rất buồn, và không mai mắn cho người đời. Vì thế nên Luận sư mới nói sáu nghĩa chắc thật cho người đời nghe hiểu, đây là nói người tu tiên ở trên núi, là ban ngày thường ở trong núi,

ban đêm thì ra khỏi núi vào thôn xóm cầu xin ăn; nếu như được thức ăn thì ăn, nếu không được thức ăn thì để bụng rỗng không. Do vì người tiên nhân này thường hay đi vào ban đêm, cho nên gọi là Hưu lưu là con chim cú mèo; lại đây nói con chim này phần nhiều ở trên núi cao. Trong đây nói người tiên nhân này cũng đầy đủ giống như con chim cú mèo. Cho nên nhân thế mà gọi tên vậy.

Thị phồn. Ngược lại âm thời chức. Âm dưới là phò Thanh. Theo văn nói cho rằng: Thị là dừng lại, cũng gọi là thật thật. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thật là sắp bày, đặt để, không đồng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thị là phải, ngược lại âm là quấy. Lại nói sáu tháng có nảy sanh ra sương mù dày đặc. Trong truyện cho rằng: Phồn là nhiều. Theo sách Lễ Ký Khổng Tử giải thích rằng: Lễ nhường ngôi vị nên nảy sanh ra rất nhiều sự phồn thịnh. Trịnh Huyền cho rằng: Là phồn thịnh vậy.

Bao cứ. Ngược lại âm nô điều. Âm dưới là nãi nhã. Bao cứ là nhu nhược, cũng gọi là cỏ dại mọc um tùm vậy.

Hỷ biện. Ngược lại âm bì biến. Theo văn nói vỗ tay gọi là biện cũng gọi là phủ, nghĩa là vui quá vỗ tay theo tiếng nhạc.

Hy hý. Ngược lại âm hư chi. Gọi là hy nghĩa vui. Thương Hiệt giải thích rằng: Hy hý là làm trò vui đùa cười giỡn.

Tuệ tinh. Ngược lại âm tù nhuế, tô túy hai âm. Gọi là yêu tinh. Nói tinh là ngôi sao sáng, giống như là sao chổi, sao Tuệ tinh.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 8

Địch trừ. Ngược lại âm đồ địch. Theo văn nói cho rằng: địch là rượu. Nói rằng: Rót rượu phún giải trừ đi cấu uế, dơ bẩn.

Cai thông ?. Ngược lại âm cổ lai. Gọi cai là bao gồm, bao quát đầy đủ, dự bị sẵn. Theo tiếng địa phương gọi là bao hàm, cũng gọi là bao quát.

Lập niệu. Lại viết niệu này cũng đồng. Ngược lại âm nô điều. Theo chữ lâm niệu là tiểu tiện. Văn thông dụng gọi là xuất ra từ chỗ bọng đái, bàng quang gọi là niệu. Theo từ của y học phương Tây lại viết là nịch cũng giống như niệu là đi đái. Chữ cổ giả mượn vậy vậy.

Như sóc. Ngược lại âm do trác. Bi thương giải thích rằng: Là cây

giáo dài một trường tám tắc.

Mị ngữ. Ngược lại âm ngữ thế. Theo văn thông dụng gọi là ngữ nằm mộng nói, nói mộng, mở gọi là mị. Theo Thanh Loại cho rằng: Không tỉnh, nói vọng không thật.

Lạp chuyên. Ngược lại âm lãng cái. Trong kinh xưa viết. La-bà-lục-thập-đát-sát-na gọi là nhất La-bà.

Song mẫn song mẫn. Ngược lại âm di nhẫn. Theo chữ lâm mẫn là hết sạch. Quảng Nhã cho rằng: Uẩn là mất tuyệt tiêu diệt.

Nhữ tào. Ngược lại âm. Tào là lớp, bọn, nhóm lũ. Cũng gọi trưởng bối là thế hệ đàn anh; cũng gọi là một nhóm.

Củ phân. Ngược lại âm cư ứu. Âm dưới là âm phù vân. Quảng Nhã cho rằng: củ là nóng vội, gấp gáp. Theo văn nói cho rằng: Ba sợi giây hợp lại, xe lại gọi là củ, củ cũng là xe xoắn chặt, quay lại, cũng gọi là tội lỗi, tội ác. Âm phân là loạn, cũng là số đông.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 9

Căn hệ. Ngược lại âm hệ kế. Theo Nhĩ Thất cho rằng: hệ là kế tiếp theo. Văn nói cho rằng: hệ là buộc, ràng buộc. Ở đời thế gian vốn có vua, mà hệ giải thích rằng con cháu tương tục nối tiếp theo ngôi vua vậy.

Tự tước. Ngược lại âm. Âm dưới là tài nhược. Tự nghĩa là ngậm để thưởng thức mùi vị; cũng gọi là tự là nhai. Tước là cắn nghiền lại.

Anh hài. Ngược lại âm ư doanh. Âm dưới là hồ lai. Giải tên gọi là trước ngực là anh đầu là trẻ sơ sinh còn ngậm đầu vú; anh là bà mẹ ôm trước ngực cho bú sữa nuôi dưỡng. Cho nên gọi là anh nhi; là trẻ sơ sinh, bé miệng còn thơm mùi sữa vậy.

QUẢNG BÁCH LUẬN THÍCH QUYỂN 10

Phục ứng. Ngược lại âm. Âm dưới là ư cạnh. Nhĩ thất cho rằng: Phục là sự nghiệp; ứng là thân trước ngực. Gọi là thân thừa nhận các

việc phục vụ tập hợp các nghề nghiệp. Lại gọi là vui vẻ, đẹp lòng, phục vụ. Quách Phác cho rằng: Vui vẻ hoan hỷ phục tùng nghe theo, lại viết phục cũng đồng nghĩa cả hai chữ phục đều dùng vậy.

Lũ biện. Ngược lại âm lực cú. Lũ là nhiều lần vậy. Biện là chánh đáng vậy.

Phi khảo. Ngược lại âm khổ lão. Gọi là chất kích thích, khảo xét, khảo cũng là hỏi, xét hỏi cũng gọi là giao kết.

Tự trình. Ngược lại âm trì kinh. Theo chữ trình giống như là kiến thị nghĩa là đưa ra ý kiến. Theo văn nói trình là dâng lên, bình phẩm.

Thố ngô. Ngược lại âm thô cố. Thương Hiệt giải thích rằng: Thố là đặt để cũng gọi là an, cũng gọi là thi hành.

Ốc dĩ. Ngược lại âm. Theo văn thông dụng cho rằng: Là tưới nước gọi là cấp là mức nước lấy nước tưới lên; cũng gọi là đổ nước, cũng gọi là vỡ đê nước tràn.

Tuần mạng. Ngược lại âm từ tuần. Theo sách Hán Thư Thần Tán gọi là Vong thân theo vật gọi là Tuần nghĩa là chết mà Tuần cũng gọi là hết tận không còn mạng sống nữa vậy.

THẬP TRỤ TỶ BÀ SA LUẬN - *Huyền Ứng soạn.* QUYỂN 1

Âu huyết. Lại viết âu hậu, hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư khẩu. âu là muốn nôn mưa ra. Ở Giang Nam hoặc gọi là âu khách. Âm khách. Giải thích tên gọi là âu yển là lưng gù; nghĩa là tướng chỗ xương sống thở lên một cục muốn nhỏ đi nên lưng cong lại gọi là gù lưng.

Lâm hạ. Ngược lại âm lực kim. Theo văn nói cho rằng: Lâm là lấy nước tưới lên. Quách Phác cho rằng: Rót nước. Tam Thương cho rằng: Lâm là bị thấm nước ướt.

Phiêu thủ. Ngược lại âm tỳ diêu. Âm dưới là thư dư. Quảng Nhã chú giải sách Thương Hiệt rằng: là mục ung thành. Theo văn nói cho rằng: thư là mục ung lâu ngày thành ung thư. Trong văn luận lại viết phiêu này chẳng phải vậy.

Mâu kích. Lại viết mâu mâu, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm mạc hậu. Âm dưới là cư nghịch. Theo văn nói cho rằng: Cây thương mâu dài hai trượng, cây kích có nhánh dùng làm binh khí vậy.

Thiết sản. Lại viết chữ thiết này cũng đồng. Ngược lại âm sơ hạn. Theo văn nói cho rằng: Thiết là bằng. Quảng Thất cho rằng: Sản là san bằng. Theo Thanh Loại cho rằng: Cũng là san bằng. Tiếng địa phương cho rằng: Cầm cán dao mà giết tiêu diệt san bằng tất cả.

Thiết thương: ngược lại âm Thiên dương. Tam Thương cho rằng: Cây mà hai đầu có lỗ gọi là cây thương, tức là cây sủng. Theo văn nói cho rằng: Cây sủng bắn ra có cự ly rất xa. Văn luận viết xạ là tiếng nổ ra, bắn ra có tiếng nổ vậy. Chữ xa ở đây chẳng phải dùng trong nghĩa này vậy.

Tật-lê. Ngược lại âm tự lật. Âm dưới là lực thi. Nhĩ Thất cho rằng: Tật-lê, là thân nằm trên đất như loại cây bò lan, lá như lông vể, mỗi bên từ năm đến bảy lá nhỏ, thân có tơ, mùa hạ nở hoa đằm từ nách lá, dùng là thuốc. Trong luận văn viết từ bộ viết thành chữ tật lê, hai chữ tượng hình này, chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Thiết cửu. Ngược lại âm cự cửu. Gọi khác là Hoàng đế chặt cây làm cái chày để đập đất, đào đất gọi là cửu. Trong luận văn viết từ bộ Cửu này là chẳng phải chữ vậy.

Thẩm thử. Ngược lại âm dư tức. Gọi là giống thú, giống như con khỉ mà lại lớn hơn, có màu sắc xanh đen. Ở Giang đông nuôi nó để bắt chuột; là loại vật rất mạnh mẽ.

Da cụ. Lại viết giả cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm cổ hà, âm dưới là cư triển. Theo văn nói cho rằng: Con khỉ mẹ lớn, nó hay triển cành cây, lại nhìn người một cách giận dữ.

Giao cầu âm giao. Có vảy gọi là con giao long (thuông luồng thuộc giống rồng. Thân nó hình trạng là loài cá, mà giống như đuôi rắn, da nó có vảy. Ngược lại âm dưới là cự chu. Quảng Nhã cho rằng: Có sừng gọi là con Cầu long, tức là rồng đực có sừng; không có sừng gọi là con Ly long, tức là rồng cái không có sừng, thân nó đen không có vảy bao ở ngoài vậy.

Nhạn vụ âm thuộc. Nhĩ Thất cho rằng: Là một giống chim, tên một giống chim nhỏ thân sáu bảy tấc. Mỏ cong nhọn, đuôi dài. Lý Tuân cho rằng: Loài chim hoan dã nuôi trong nhà gọi là vụ. Vụ tức là con vịt nuôi trong nhà vậy. Uẩn hận. Ngược lại âm theo văn nói cho rằng: Uẩn là tức giận. Trong luận người dịch không biết, mà cho rằng: vẫn là không buồn lo như thế nào? Nghĩa chính xác gọi là uẩn là tức giận.

THẬP TRỤ TỶ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 2

Kiểu dị. Ngược lại âm kỹ tiểu. Giả xưng gọi là kiểu ; Kiểu tức là giả trá; chẳng phải pháp của Tiên vương gọi là kiểu. Nay đều viết kiêu này, nghĩa cũng đồng.

Sam nham. Ngược lại âm sĩ hàm. Âm dưới lại viết nham. Quảng Nhã cho rằng: Nham là núi cao vậy.

Khúc ôi. Ngược lại âm ô hồi. Theo văn nói cho rằng là khúc quanh của dòng nước chảy, gọi là eo biển. Cũng gọi là chỗ ẩn chìm xuống bị che ngăn.

Tuấn tiểu. Lại viết tiểu, hoặc viết tiểu cũng đồng. Ngược lại âm thư tiểu. Theo văn thông dụng cho rằng: Đốc núi cao gọi là tiểu, núi cao hiểm trở gọi là tuấn, mà cũng gọi là tiểu.

- **QUYỂN 3, 4** : (Điều trước không có âm để giải thích.)

THẬP TRỤ TỶ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 5

Bì trợ hoặc viết bì cũng đồng. Ngược lại âm ty-mi. theo văn nói cho rằng: Bì là tăng thêm; dày, bổ thêm vào, cũng gọi là hỗ trợ thêm vào.

Chiên ngư. Ngược lại âm trên là tri liên Nhĩ Thất cho rằng: Chiên là con cá lớn, miệng nó ở trên đầu dưới thân của nó không có vây, bao giáp ngoài thân dài đến hai ba trượng. Ở Giang Đông gọi con cá vàng.

THẬP TRỤ TỶ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 6

Ngạo đản. Ngược lại âm ngũ đáo, âm dưới lại là đồ đàn. Gọi là ngạo mạn, cũng gọi là không cung kính, khinh thường người khác. Đản là đối trác, lừa bịp, phóng đản, khinh khi, ngạo mạn.

Tham trần. Ngược lại âm sĩ cân. Theo văn nói gọi là trong rừng

cây mọc nhiều. Quảng Nhã cho rằng: Cây mọc um tùm gọi là trán, cây mọc như răng cửa vậy.

Như chấp âm dưới là tri lập. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chấp là giữ lại; Theo truyện cho rằng: Chấp là trói buộc; cũng gọi là câu chấp, hai chân không cùng nhau bước qua gọi là chấp nghĩa là bị buộc chân (T635) lại vậy.

- QUYỂN 7, 8, 9 : (Đều không có âm.)

THẬP TRỤ TỶ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 10

Phù kích âm phù. Theo chữ lâm phù là tin vậy; cũng gọi là phân ra mà hợp, gọi là phù; chữ viết từ bộ trúc. Đời nhà Hán chế ra lấy cây trúc dài sáu tấc mà tương hợp gọi là tin. Lấy cây trúc để biết năm lạnh hàn mà không biến đổi, lại lấy đức mà ban bố khắp. Lại dùng giống như bên chấu ống đồng, dụ cho bậc quân thần đồng tâm, nghĩa là vua tôi đồng một lòng. Ngược lại âm dưới là hệ đích. Theo văn nói cho rằng: Quyển sách dày hai thước; người mở quyển sách đó ra là có tội hải trách phạt, là bày ra tội ác kia; nói đây là quyển sách của vua Nghiêu lấy đức để an ủi bá tánh là người rất sáng suốt, thông minh, nói nơi này nơi khác đều hiểu thông suốt; mà sửa đổi cho khỏi mắc lỗi lầm vậy.

Điền ô. Ngược lại âm cô cổ. Theo văn nói cho rằng: Bi chướng nhỏ ngăn bởi cái thành, cũng gọi là thành nhỏ.

- QUYỂN 11, 12, 13 : (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

THẬP TRỤ TỶ BÀ SA LUẬN
QUYỂN 14

Hành lữ. Ngược lại âm lữ cử. Theo Tả truyện cho rằng: là nhà trọ. Cơ Đồ Dự cho rằng: Nhà để cho khách ở trọ qua đêm, gửi nhờ qua đêm.

Điền lưu. Lại viết điền này cũng đồng. Ngược lại âm đồ kiên, đồ

kiến hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Điền là lấp lại cho kín, cũng gọi là đầy. Trong luận văn viết từ bộ viết thành chữ điền. Ngược lại âm tha kiến. Chữ điền này cũng nghĩa là lấp kín vậy.

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN - *Tuệ Lâm soạn.*
QUYỂN 1

Ý chằm. Ngược lại âm trên là y kỹ. Âm dưới là chằm nhãm. Theo chữ ý chằm là cái gói lớn, cái gói làm bằng lụa hoa trơn mịn, độn bông, có màu sắc đẹp bao bọc bên ngoài, nhẹ, nhuyễn, làm vật để đắp hai bên phải và trái, trước và sau, để tỏ rằng người tôn quý dựa vào gọi là ý chằm; là cái gói lớn để dựa vậy.

Thương phán. Ngược lại âm trên Thượng chương. Theo văn nói cho rằng: Ai gọi là thương; chữ viết từ bộ Bối thanh thương tĩnh. Âm dưới là phát vạn chữ trong sách giải thích rằng: Thâu mua những đồ rẻ tiền đem bán lại mắc giá hơn gọi là phán. Chữ viết từ bộ Thanh phán.

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN
QUYỂN 2

Vi kích. Ngược lại âm đình lịch hoặc viết là đế đều đúng. Theo văn nói cho rằng: Rót nước từng giọt từng giọt chảy. Chữ thường hay dùng viết từ bộ để viết thành chữ đế là chẳng phải vậy.

Đàm hước. Ngược lại âm hương ước, Nhĩ Nhã cho rằng: Pha trò hài hước. Gọi là cùng nhau khéo nói khôi hài; để gây trò cười. Chữ trong sách giải thích rằng: Hước là làm trò hài cho mọi người xem cười.

- **QUYỂN 3** : (Không có âm.)

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN QUYỂN 4

Kinh ngư như khoảnh. Ngược lại âm. Theo văn chữ thông dụng cho rằng: Dùng tay vắt lấy sữa dê, sữa bò. Theo chữ kinh thanh tỉnh. Trong văn luận viết cấu dùng mượn âm chẳng phải thể chữ vậy.

Nhất bác âm bác. Gọi là thịt phơi khô. Theo văn nói cho rằng: Thịt bao ngoài lớp xương. Chữ viết từ bộ cốt; Thanh bác tĩnh. Trong kinh văn viết từ bộ Nhục viết thành bác. Ngược lại âm phổ bác. Thịt phơi khô gọi là bác. Mạnh bạo cắt thịt phơi khô.

Nhất bác. Ngược lại âm hà lạc. Gọi là dùng tay nắm bắt khiến cho vật kia không thoát được. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thư đến bộ đoàn thanh tĩnh; hoặc viết đoàn cũng là thông dụng.

Tuấn nhai. Ngược lại âm trên là thu tuấn. Trong kinh văn viết tuấn là chữ thường hay dùng. Theo Khảo Thanh gọi là núi cao; từ vách núi cao thanh tuấn âm tuấn cũng đồng âm trên. Ngược âm dưới nhã giai. Theo tập huấn truyện cho rằng: Bên vách núi cao sừng sững. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ Sơn, Thanh nhai; âm nhai đồng với âm trên. Chữ tuấn cũng từ bộ sơn âm tuấn. Ngược lại âm thất tuấn.

Ca-giá. Ngược lại âm chương dạ. Tiếng Phạm, tên một vật quý. Trong kinh tự gọi là hạt châu.

Khiêu trích. Ngược lại âm trên là điền điều. Thương Hiệt giải thích rằng: khiêu là nhảy vọt lên. Quảng Nhã cho rằng: lên trên. Theo văn nói ghi rằng: Vọt lên, nhảy lên vấp chân té ngã. Chữ viết từ bộ túc thanh thanh khiêu. Ngược lại âm dưới là trình kích. Trang Tử giải thích rằng: Trích là viên ngọc bị hủy hoại; vì tên ăn trộm không thoát khỏi. Quảng Nhã cho rằng: Ném, quăng đi. Theo văn nói gọi là ném vào, chữ chánh từ bộ thanh trích. Văn luận viết từ bộ trịnh, viết thành trích là văn chữ thường hay dùng. Theo văn nói chữ viết đúng từ trích đến bộ thư viết thành chữ trích âm thích ngược lại âm đình lực.

BỒ ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN QUYỂN 5

Khoáng luận: Ngược lại âm soán mãnh. Quảng Nhã cho rằng: Thiết còn nguyên chất gọi là khoáng. Dùng chất thiết nguyên chất làm

ra công cụ gọi dây xích. Theo văn nói cho rằng: Loại đồng thiết còn nguyên chất; hoặc viết bộ hoàng viết thành chữ khoáng. Trong luận gọi là tán là khen ngợi, nói là khuôn đúc nung chảy ra chất đồng thiết làm dây xiềng xích, hồn có thể bay lên cầu thần tiên đột nhập vào cứu vậy.

Thái xa viễn. Ngược lại âm xa. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Ở chợ mà không có lợi thì bán vật thiếu chưa được tiền gọi là gọi là xa. Theo văn nói cho rằng bán chịu một ngàn đồng chữ viết từ bộ Bối thanh dư âm xà.

Thuần mạng. Ngược lại âm thân nhuận. Văn chữ thường hay dùng. Chữ chánh viết từ dần viết thành chữ thuần. Theo văn nói giải thích rằng: Mở mắt ra nháy nháy mắt nhiều lần chuyển động. Chữ trong sách giải thích rằng: Mắt là một thanh kiếm bén. Văn cổ viết từ bộ thân viết thành chữ âm đồng với trên.

Y-ni-da-lộc vương đoạn. Ngược lại âm thuyên nhuyễn. Gọi là cái bấp chân, trong nghĩa của âm trước đã giải thích đủ rồi. Chữ viết từ bộ Nhục thanh đoạn trong luận lại viết từ bộ túc viết thành chữ bác là chẳng phải vậy.

Bể đường âm trên là bệ hoặc viết bệ đều thanh thượng. Theo văn chữ Tập Lược giải thích rằng: Bể là xương đùi trong kinh Bát-nhã trước âm nghĩa đã giải thích xong. Ngược lại âm dưới là Sửu Long.

Nhãn hiệp. Ngược lại âm dưới là tiêm diệp, hoặc là viết từ bộ kiến viết thành chữ tiếp đều đồng nghĩa. Theo sách sử ký cho rằng: Con mắt nhìn thấy tất cả vật mà lông mi nhỏ không nhìn thấy được. Theo Khảo Thanh thì cho rằng: Lông mi trên mí mắt. Giải thích tên gọi là viết chữ tiếp là văn chữ thường hay dùng. Ngược lại âm lưu ly. Tiếp là giao tiếp, hai mí mắt nhắm lại mở ra rồi nhắm lại, cũng gọi giao tiếp nhau bằng mắt, nên gọi là giao tiếp bằng mắt. Trong luận văn từ bộ thiếp viết thành thiếp cũng là văn chữ thường hay dùng. Theo văn nói cho rằng: Lông mày một con mắt, chữ viết từ bộ mục thanh hiện. Âm kiến ngược lại âm tiêm diệp.

- QUYỂN 6 : (Không có âm chữ.)

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN*Lý Bá Dược ghi tựa - Tuệ Lâm soạn.*

Chấp khế. Ngược lại âm trên là chiêm nhập. Theo văn nói gọi là bắt giữ tội nhân. Chữ viết theo lối tượng hình chấp âm chấp kích viết theo can âm ca. Ngược lại âm nữ thú. Văn thông dụng viết từ bộ hoàn đến bộ hạnh đến bộ cửu văn chữ thường dùng cho rằng sai. Ngược lại âm dưới là khải kế. Trịnh Chúng chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Khế là phù hợp. Cũng gọi khác đi trên là văn cổ gọi là lấy dây buộc lại để trị đời sau này. Còn bậc Thánh nhân thì lại khác, dùng kinh sách khế hợp. Theo văn nói thì cho rằng: Độ chừng, ước chừng; chữ viết từ bộ thanh khế. Theo văn nói cho rằng: chữ khế từ bộ dao đến bộ chủ, âm chủ phân ra thành âm khế. Ngược lại là âm kiên bát. Có chữ viết từ bộ nhấn đến bộ chủ viết thành chữ khế này chẳng phải chữ vậy.

Trì tuyến. Ngược lại âm tiêu tiên. Trịnh Chúng chú giải trong sách Chu Lễ rằng: tuyến là sợi dây nhỏ dài. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mịch thanh tiên. Tiên là âm Tàn chữ viết chồng lên hai bộ qua. Trong luận văn viết tuyến là chữ thường hay dùng, chẳng phải chánh thể vậy.

Cương tỏa. Âm trên là cương theo sách Hán Thư cho rằng: Thông suốt lòng nhân, lại nói bằng sợi dây ràng buộc vằm con ngựa. Theo Thanh Loại cho rằng: Móc khóa giầy da buộc lại. Thương Hiệt giải thích rằng: Dây cương buộc ngựa. Theo văn nói chữ viết từ bộ mịch viết thành chữ cương. Trong sách ngọc lễ chữ viết từ bộ cách viết thành chữ cương cũng đồng trong văn luận. Theo văn nói cũng gọi là giầy cương buộc ngựa. Ngược lại âm dưới là tô quả. Thương Hiệt giải thích rằng: tỏa là sợi giầy xích liên kết với nhau thành vòng tròn. Theo Khảo Thanh cho rằng: tỏa là sao chép lại. Chữ viết từ bộ âm tỏa cũng đồng âm trên. Theo văn nói chữ viết từ bộ ngọc viết thành chữ tỏa này; nghĩa là vụn vặt. Trong luận văn viết hoặc là từ bộ sào viết thành chữ tỏa này là chẳng phải vậy.

Huyền đằng. Ngược lại âm dưới là đằng năng. Theo Tập Huấn truyện cho rằng: Đằng lữ là một loại thực vật có thân leo quấn quít chẳng chặt. Âm Lữ ngược lại âm lực quĩ. Lữ gọi là loại cỏ có giầy leo hoặc là bò lan tràn dưới đất mọc um tùm, cũng giống như giầy cát. Có thể bò vượt qua khoảng cách gọi là đằng chữ chánh xưa nay viết từ bộ Thảo thanh đằng. Theo văn nói chữ đằng viết từ bộ chu đến bộ quyển, bộ Thủy thanh quyển diệc. Âm quyển ngược lại âm quyển viễn.

Nại uyển. Ngược lại âm trên là nô đại. Tức là ở Thiên Trúc, nước

Ba-la-nại. Ngược lại âm dưới là uyển viễn. Tức là ở trong nước đó có vườn thú nuôi nai hoang dã. Theo sách là Chuyết Tự Văn lược bớt đi để nhiều phiền phức, cho nên nói rằng: nại uyển là vậy.

Áo thất. Ngược lại âm trên là ô cáo. Lại sách Chu Lễ cho rằng: Thất là nhà ở phía Tây nam vùng xa xôi hẻo lánh gọi là áo. Nói vùng này rất sâu. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Áo là vùng ven, hoặc viết là áo này, cũng đồng.

Chi trừ. Ngược lại âm ước lưu. Theo sách Tập Huấn cho rằng: Trừ là bạn bè, cũng gọi là bậc loại.

Soạn yên. Ngược lại âm trên là soạn quyển. Chử Thượng Thanh. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Soạn là sửa chữa, viết soạn ra. Theo chữ mở rộng gọi là soạn tập. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tạo ra, viết ra, chỉnh đốn, tu chỉnh lại. Theo Tập Huấn cho rằng: Chọn lựa sửa trị. Theo văn tự điển giải thích rằng: Nói là định, chữ bao gồm đầy đủ cả. Chử Chánh xưa nay trong luận cho rằng: đức của các vị Tổ tiên tạo ra chữ này rồi thuật lại viết ra thành chữ, từ bộ thủ đến bộ soạn Thanh tĩnh. Trong văn nói chữ viết từ hai bộ tiết. Viết hai bộ cung, âm huấn cùng với âm trên cũng đồng. Trong Hán Thư lại viết từ bộ toán âm toán ngược lại âm túy toàn; chữ viết từ bộ nhựt viết thành chữ toản cũng là văn cổ chữ soạn; Trong văn luận cùng với Hán Thư cũng đồng. Chữ toản đây là chữ cổ có khi cũng không dùng. Ngược lại âm dưới là ai kiền. Chử giả tá. Nói là Thanh dư; bốn âm yển ngôn. Chữ yên là con chim có màu sắc vàng bay ra từ sông Hoài, là loại quạ ô là quạ đen, cho nên từ bộ ô cộng thêm bộ nhất cùng với bộ ô nên chữ khác đi. Đây là chữ Hội ý. Nay có lúc cũng dùng, hoặc viết từ bộ Chánh đến bộ dữ viết thành chữ yên. Theo sách Hiệu Tự gọi là chữ yên là vậy. Bộ sậu. Ngược lại âm sâu sưu. Theo văn nói cho rằng: Con ngựa chạy nhanh; chữ hình Thanh.

Đoan y. Ngược lại âm y khởi. Nhĩ Nhã cho rằng: Tấm bình phong che ở giữa cửa gọi là y. Quách Phác chú giải rằng: Lao xao, rì rầm ở cửa phía Đông, phía Tây. Cũng gọi là chữ hình Thanh.

Tiêu sanh viễn. Ngược lại âm tất diêu. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tiêu là nêu cao lên; cũng là bảng hiệu viết ra ở ngoài chữ viết từ bộ mộc vậy.

Huệ trách. Ngược lại âm tranh trách. Nhĩ Nhã cho rằng: trách là sâu thăm sâu bao gồm: chữ viết từ bộ di thanh trách. Nghĩa là tên của một vị cao tăng âm di. Ngược lại âm di.

Huyền mô. Ngược lại âm mẫu bồ. Chữ cổ, cũng là tên của một vị cao Tăng. Nay hoặc là viết mô. Mô là mưu kế vậy.

Tiêu cảnh. Ngược lại âm quĩ vĩnh. Chữ giả tá; vốn âm ảnh. Cũng là thời cận đại; nhưng trước thời Nho gia ra đời, chỗ xuất ra cùng với sự tương truyền dùng chữ cảnh: nghĩa là sáng tỏ. Trong âm vận không có chữ cảnh này vậy.

Đàm tín. Ngược lại âm trên là dâm nam. Nhĩ Nhã cho rằng: Đàm là dài, kéo dài. Chữ trong sách cho rằng: Sâu. Theo Khảo Thanh cho rằng: Dài. Theo Vận Thuyên Tập và văn nói thì cho rằng: Thật dài. Chữ viết từ bộ Trung âm hống đến bộ Hàm thanh. Ngược lại âm dưới là tư thứ. Theo Khảo Thanh cho rằng: Ưu sầu, lo buồn, suy nghĩ, trầm tư. Theo văn nói. Chữ viết bộ tín âm tín đến bộ tâm. Chữ hội ý vậy.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 1

Cấu giác. Người dịch luận dùng chữ sai. Chữ đúng thể từ bộ thủ đến bộ kiết viết âm kích. Ngược lại âm câu hầu. Theo Khảo Thanh cho rằng: dùng tay vắt lấy sữa bỏ, sữa dê. Chữ cấu chẳng phải nghĩa đây dùng; nó rất lạ đối với luận chỉ vậy.

Thốn độ. Ngược lại âm trên là thôn tổn. Chữ trong sách gọi là thốn nghĩa là đánh giá, cũng là độ là suy xét đánh giá. Ngược lại âm dưới là đường lạc. Theo Khảo Thanh cho rằng: Độ lượng nghĩa là suy nghĩa cân nhắc đo lường cũng gọi là mưu kế. Chữ giả tá vậy.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 2

Chiêm bố. Ngược lại âm trên là chiêm điệp. Lại dùng chữ sai. Trong luận nói là nhiếp bố là hợp với bộ tâm viết là nhiếp nhiếp, cũng là bố. Nghĩa là khủng bố, sợ hãi, rất sợ hãi chiêm tuy rằng âm đồng nhưng lại là nói nhiều nghĩa không tương ứng. Cho nên nói sai, dùng sai là vậy.

Tu hội. Ngược lại âm trên là tương dư. Văn thông dụng thường hay dùng. Chữ viết từ bộ Thủy chẳng phải. Theo văn nói chữ chánh thể viết từ bộ lập đến bộ tu viết thành chữ tu cũng giống như chữ đãi, là

chờ đợi. Chữ viết từ bộ Sam âm sam chẳng phải bộ Thủy. Chữ viết từ bộ Thủy đến bộ hiệt là chữ hồi. Ngược lại âm khôi ngoại. Ngược lại âm dưới là hồi đối. Theo Khảo Thanh cho rằng: hội quyết. Nghĩa là vỡ đê. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: huyết là cái hang sâu. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Tán tản mác rời rạc.

- **QUYỂN 3, 4** : (Đều không có chữ có thể giải thích âm.)

- **QUYỂN 5**: Bị giáp âm giáp. Nghĩa là áo giáp.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 6

Mang hấp. Ngược lại âm trên là. Vua rấn gọi là mang, sống ở trên núi. Trong Hối Kinh cho rằng: Loại rấn này gọi là Ba xà thôn. ba năm mới lột da một lần. Nhĩ Nhã cho rằng vua rấn. Quách Phác gọi là rấn mang xà, rất lớn cho nên gọi là mang. Ngược lại âm dưới là tán áp. Phàm là con rấn lớn muốn nuốt vật gì đều trước tiên là phun khí độc ra và chỗ nuốt vào, rồi sau đó mới hút lấy và nuốt vật đó.

Thổ diên. Ngược lại âm tương diên chữ thường hay dùng. Chữ viết đúng là khảm. Theo văn nói cho rằng: Là nước dãi trong miệng nhỏ ra. Chữ viết từ bộ thủy đến bộ khảm. Tuy là chữ chánh thể là cùng với chữ kế là chữ cho nên có khí không dùng, chỉ là bó buộc, tạm thời, viết chữ diên nói là viết mai trong sử lưu lại chữ triện lớn viết lưu. Đây đều là các vị tiền bối các nhà Nho; tùy theo tự ý mà viết chữ vậy.

Như bát. Ngược lại âm phiên miệt. Chữ viết từ bộ Mộc thanh phát. Khảo Thanh cho rằng: Buộc trúc với gỗ so sánh xem sự nổi trên mặt nước gọi là. Trong văn luận viết việt là vượt qua, cũng là chữ thường hay dùng vậy.

Dịch lệ âm trên là dịch âm dưới là Lệ. Nghĩa là thời khí thay đổi nên bệnh nhiều vậy.

Ao đột. Ngược lại âm trên ô qua. Chữ hình thanh chữ đúng viết từ bộ huyết viết oa là thấp, chỗ thấp hoặc viết oa cũng là chỗ trũng thấp cũng đồng nghĩa dùng. Ngược lại âm điền Niết. Cũng là chữ thường hay dùng. Chữ tượng hình, chữ chánh viết là điệt. Chữ viết từ bộ Thổ thanh tĩnh điệt. Chữ trong sách gọi là điệt là cái ổ kiến; con kiến nó đùn đất

lên thành ra đồng đất nhỏ nhỏ lên cao.

- **QUYỂN 7, 8** : (Trên đều không có chữ âm giải thích.)

QUYỂN 9 :

Hành trắc. Ngược lại âm trên là hạnh canh. Âm dưới xung học.

ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 10

Đối trị. Trên là chữ đối. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ nghiệp âm nghiệp. Ngược lại âm sài học. Chữ viết từ bộ sĩ âm sĩ viết sĩ từ bộ thốn. Âm dưới là chữ trị âm trì. Chữ trong sách cho rằng: Trị lý, nghĩa là sửa chữa những điều lệ, luật pháp cách xử trị vậy.

Trung tư. Âm trên là chung. Âm dưới là tư. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: Trung tư là con châu cháu, loại côn trùng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trong Tư là con ngô công tức là con rít; thường gọi là; thường gọi là bất công. Âm công ngược lại âm chung. Trước văn đã giải thích xong rồi.

Kinh địch. Ngược lại âm trên là cạnh nghinh. Theo Khảo Thanh cho rằng: kinh là nhiều sức mạnh. Quảng Thất cho rằng: Kinh là kinh võ với nhau, cũng nhau thí võ. Theo văn nói cho rằng: Cường là nhiều sức mạnh; chữ viết từ bộ Thanh kinh. Ngược lại âm dưới là đình địch. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Là đối địch với nhau. Tiếng địa phương cho rằng: Giữa nước Tần và Tấn đồng sức với nhau gọi là địch. Quảng Nhã cho rằng: Địch là đánh dẹp. Theo văn nói cho rằng: là cừu tức là kẻ cừu địch. Chữ viết từ bộ phộc đến bộ Thanh tĩnh.

Duyệt chúng. Âm trên là duyệt. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Ở trong cửa đủ số gọi là gọi là duyệt. Theo Tả Truyện cho rằng: Duyệt là ở trước xe ngựa, theo văn nói cho rằng: Đủ số người trong cửa gọi là duyệt, chữ viết từ bộ Thanh duyệt. Âm dưới là chữ chúng. Văn nói cho rằng: Chúng là nhiều, chữ viết từ bộ phái âm phái. Nay lại viết chữ hoành mục là chúng. Chữ hội ý, chữ chỉ ý vậy.

- **QUYỂN 11, 12, 13** : (Không có chữ âm để giải thích.)

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIỆM LUẬN - *Huyền Ứng soạn.*
QUYỂN 1

Lãm lệ. Ngược lại âm lực thậm. Ngược lại âm dưới hợp nghi viết là lệ lực kế. Bì Thương cho rằng: Lãm lệ là buồn, bi thương; Ôm mối bi thương; Lại nữa, Lãm là thể hiện nhan sắc sợ hãi. Tiếng địa phương cho rằng: Lãm là kính sợ.

Nhượng duệ: Ngược lại âm nhi dương. Nhượng là trừ bỏ. Ngược lại âm dưới là di tế. Theo sách tư Uyển cho rằng: Duệ là tay áo rộng; cũng là tay áo, lãnh tụ, người cầm đầu, cũng gọi cối tay áo để lộ cánh tay ra gọi là nhượng duệ.

Nhàn dụ. Ngược lại âm du câu. Dụ nghĩa là chậm rãi, thông thả. Quảng Nhã cho rằng: Dụ là rộng rãi, cũng gọi là lo buồn là vậy.

Sầu nhiên. Lại viết sầu cũng đồng. Ngược lại âm tại tửu. Sách Lễ Ký cho rằng: Khổng Tử buồn râu biến sắc, cũng gọi là nhan sắc bị động, cũng gọi là giận dữ vậy.

Si hưu. Ngược lại âm. Âm dưới là hứa ngư. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: là con bồ câu. Quách Phác gọi là nay ở Giang Đông gọi là con cú tai mèo là câu các. Âm các ngược lại âm cách, gọi là con chim quái lạ. Ban ngày thì nó ngủ, đến đêm thì bay đi tìm thức ăn nhìn ra cửa phía Tây thì gọi là Huấn hâu. Sơn Đông gọi là Huấn cô, là con chồn vậy.

Kiểm tỳ. Ngược lại âm cự diêm. Dựa theo chữ kiểm gọi là đầu đen. Đời nhà Tần dùng từ này để chỉ dân chúng.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIỆM LUẬN
QUYỂN 2

Trừ tích. Ngược lại âm trực ư. Theo văn nói cho rằng: Trừ là cụ bị tích chứa, ưu đãi. Âm đãi ngược lại âm trực lý.

Tranh thượng. Ngược lại âm thác canh. Theo chữ tranh cũng giống như chữ trụ. Nghĩa là cột ở hai bên cổng. Cũng giống như bức tranh nổi đều viết chữ tranh này. Theo văn nói cho rằng: Tranh là tài vậy, là tài năng, năng khiếu.

Địa dật. Ngược lại âm đồ kiết. Quảng Nhã cho rằng: Dật là sai lầm. Chữ trong sách giải thích dật là vấp chân té quy.

Bồ phục. Ngược lại âm bộ hồ. Ngược lại âm dưới là bồ bắc. Theo

văn nói cho rằng: Bồ phục là làm việc bằng tay; cũng gọi là vấp chân té ngã chân què hết sức lực.

Thân nặc. Lại viết chữ nặc này cũng đồng. Ngược lại âm nữ ất. Nhĩ Nhã cho rằng: Nặc là gần vậy. Lại gọi là rất thân, rất gần gũi. Thân cũng là gần gũi nhiều lần, chữ cực ngược lại âm chữ ký vậy.

Ý á. Ngược lại âm. Chữ ỷ cũng giống như chữ y nghĩa là nương vào, dựa vào. Âm dưới là ô nha. Chữ trong sách giải thích rằng: Á ỷ là dựa vào. Nay nói rằng: á là nghỉ ngơi. Á cũng là nằm; nghĩa là nằm dựa vào nghỉ ngơi là vậy.

Quyển cương Tam Thương lại viết quyển. Lại cũng viết quyển, cũng đồng. Ngược lại âm cổ khuyến. Theo Thanh Loại cho rằng: Quyển là dây buộc để bắt thú. Ngược lại âm dưới là cự hướng. Vân Anh Tập cho rằng: Giăng ra một mẻ lưới gọi là cương. Nay người nông dân làm ruộng giăng lưới ra một đường để bắt chim thú; hình lưới cũng giống như giầy cung. Trong văn luận lại viết cương này cũng là văn chữ thường hay dùng vậy.

Tự bãi chữ trong sách là tỳ cũng đồng. Ngược lại âm bổ nại. Theo văn nói cho rằng: Hai tay xua ra. Quảng Nhã cho rằng: bãi là mở ra vậy.

Khả khứ. Ngược lại âm khâu ngư Quảng Nhã cho rằng: là trừ bỏ đi.

Bộc hỏa. Ngược lại âm phương hiếu. Lại âm phổ tước hai âm. Theo Thanh Loại cho rằng: Bộc là bắn ra, nổ ra. Quách Phác cho rót nước. Trong kinh Sơn Hải gọi là ở trong nổ tung tóe ra.

Quý tích. Ngược lại âm tử diệc. Gọi là xúc tích nghĩa là đáng vẻ cung kính khép nép, cũng gọi là kính sợ, cũng gọi là cung kính.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIỆM LUẬN QUYỂN 3

Phiếu lược. Ngược lại âm phương diệu. Theo văn nói giải thích rằng: phiếu là kẹp lại. Quảng Nhã cho rằng: Phiếu là bốc ra, lột vỏ. Thương Hiệt giải thích rằng: Phiếu là cắt xen. Thanh Loại dưới viết lược. Ngược lại âm lược thượng. Gọi là sao lược, nghĩa là đoạt lấy, cướp lấy.

Câu hồ. Ngược lại âm cố đậu. Theo văn nói cho rằng: Con gà

trống gáy. Quảng Nhã cho rằng: Con chim trĩ hót.

Kháp thương. Ngược lại âm cổ hiệp. Lại viết sang khẩu, nghĩa là vết thương. Ngược lại âm hợp. Theo văn thông dụng cho rằng: Vết thương bị cào cấu. Theo chữ gọi là Kháp nghĩa là cào, gãi, bấm. Trong Vận Tập viết sang nhập? Nghĩa là vết thương sâu vào. Ở Giang Nam lại gọi là thương bao khí, nghĩa là loại khí giới quý báu hiện nay đương sử dụng.

Hoàng quý. Lại viết quý này đồng. Ngược lại âm kỳ quý. Theo văn nói cho rằng: Khí không định. Theo chữ lâm tâm động gọi là quý, nghĩa là lo sợ.

Dũ đọa. Ngược lại âm du nhũ. Gọi là lười biếng. Nhĩ Nhã cho rằng: Dũ là lao lực quá sức. Quách Phác chú giải rằng: Là lao khổ cực nhọc nhiều sanh ra uể oải lười biếng.

Thượng miến. Ngược lại âm Mạc kiến. Thương Hiệt giải thích rằng: Liếc nhìn một bên, theo văn nói cho rằng: Miến là liếc xéo, nhìn nghiêng.

Khôi vĩ. Lại viết khôi quý hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cổ hồi. Quảng Nhã cho rằng: Khôi vĩ là viên ngọc quý hiếm, lạ; đẹp lạ lùng tròn đầy, nhiều.

Kính dũng. Ngược lại âm cư thạnh. Theo chữ lân, kính là sức mạnh chữ viết từ bộ lực.

Ty tùy. Ngược lại âm sơ ủy. Theo văn thông dụng cho rằng: Sờ mó gọi là tùy. Trong luận văn viết là sủy. Ngược lại âm sơ ủy; lại là âm đô quả. Sủy nghĩa là suy đoán, cũng gọi là ngầm đánh giá. Âm phộc ngược lại âm đình kiem. Chữ sủy chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 4

Yêu hộ. Lại viết yêu này cũng đồng ngược lại âm ư kiều. Gọi là dáng vẻ của trang thiếu niên. Theo văn nói cho rằng: là sắc xảo, khéo léo. Ngược lại âm dưới là ư phước. Nay ở gọi là dáng vẻ, dung mạo, cũng gọi là tên của vị quan hộ y trong triều đình. Ở Sơn Đông gọi là dáng vẻ yêu kiều thướt tha của một thiếu nữ.

Uy di. Lại viết ủy vi hai chữ hình thanh cũng đồng. Ngược lại âm ư vi. Âm dưới lại viết tha. Ngược lại âm đạt hà. Quảng Nhã cho rằng:

Ủy tha, nghĩa là nghiên chỗ thấp, đi có thể là quanh co ngoằn ngoèo. Chữ oa ngược lại âm ư qua.

Yêu nghiệt. Ngược lại âm ngư liệt, gọi là tai họa. Theo văn nói cho rằng: Y phục, bài hát không có chương khúc, cây cỏ quái lạ gọi là yêu; cũng gọi là loài cầm thú, châu chấu quái lạ phá hại mùa màng gọi là nghiệt. Trong luận văn viết là nghiệt: Là con của vợ hậu, vợ lẽ. Chữ cổ, cũng thường hay dùng.

Dực dực. Ngược lại âm dực nhập. Âm dưới là ánh sáng chiếu rực rỡ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Dực dực là rõ ràng, sáng tỏ, minh bạch; cũng gọi là ánh lửa của con đom đóm.

Tức tức. Ngược lại âm tử lật. Theo văn thông dụng gọi là tiếng kêu chít chít của con chuột; cũng gọi là tạp loạn. Trong văn luận viết là quỷ là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Cốt hãm. Quảng Nhã cho rằng: Bị vùi lấp trong hang, hầm, hãm cũng nghĩa là chìm xuống nước, rơi xuống. Trong kinh văn viết hãm này là rất sai vậy.

Ư sừ. Theo Vận Anh Tập chú âm là nhất dư. Nay ở Quan Tây cho rằng: là khô héo, úa. Ở Sơn Đông nói rằng yên là cây thuốc lá. Âm yên, ngược lại là âm ư ngôn. Ở Giang Nam cũng nói rằng: uy nghĩa là héo úa, khô héo. Lại viết uy này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư vi. Gọi là ư là đất không mầu mỡ, đất khô cằn. Nay lấy nghĩa trong đây. Theo văn luận lại viết ư này, chữ này chưa rõ nghĩa, không biết xuất phát từ đâu vậy.

Khổ khốc văn cổ viết là ba chữ khốc hình thanh này. Nay lại viết khốc cũng đồng. Ngược lại âm khẩu kiết. Theo văn nói cho rằng: khốc là cấp bách nóng nảy vội vàng; rất khổ gọi là khốc; cũng gọi là bạo ngược. Bạch Hổ Thông cho rằng: Khốc là người cực ác vậy; ra điều lệnh, giáo điều cực khắc nghiệt, hình phạt rất tàn bạo.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 5

Bỉ tiết văn cổ viết thêm điệp tập điệp bốn chữ hình thành; cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tư liệt. Gọi là vùng xa xôi hẻo lánh, bản thiếu, xấu tệ, cũng gọi là nhàm chán khinh thường.

Âm tình. Lại viết tình sinh hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược

lại âm tự doanh. Theo Thanh Loại gọi là mưa đã ngừng nên thời tiết quang đãng mát mẻ. Theo văn luận viết linh chẳng phải thể vậy.

Can hiện. Ngược lại âm vong bắc. Gọi là hiện nghĩa là mặt trời lặn, cũng gọi là nóng bức. Theo văn nói cho rằng: Hiện là mặt trời mới mọc ở phía trước. Nay đều viết hiện này vậy.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 6

Quý huyển. Lại viết quyển y hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hồ khuyển. Giải thích tên gọi là quyển nghĩa là treo lên, buộc vật treo lên.

Hoàn tập văn cổ viết tập cũng đồng. Ngược lại âm từ lập. Gọi là tập nghĩa là chồng chất lên từng lớp từng lớp vậy, cũng với chữ ái nghĩa là được yêu chuộng, cũng gọi là thích hợp; và ngược lại.

Tương tha. Ngược lại âm thả hà. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Như thiết như tha. Trong truyện cho rằng: Cũng giống như là trị gọi là, cũng gọi là mài ngọc.

Hoắc nhiên, chữ trong sách viết cỏ cũng đồng. Ngược lại âm khẩu giác. Theo sách Chu Dịch cho rằng: Trời đang khô ráo bỗng nhiên mưa trút nước, mưa như đổ nước xuống đất vậy.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM LUẬN QUYỂN 7

Sưu giáng. Ngược lại âm lạc lưu. Sưu nghĩa là bệnh đã thuyên giảm, bớt, cũng gọi là khỏi bệnh. Theo sách Thượng Thư ghi rằng: Ngày mai bệnh của vua đã khỏi hẳn.

Tiểm hủy. Ngược lại âm trắc cấm. Tiếm là nói xấu hại người. Một gọi là phỉ báng, nói sau lưng, chê bai gọi là tiếm. Quảng Nhã cho rằng: Tiếm là hủy nhục, làm hại.

**KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 8**

Tỷ diện. Ngược lại âm phổ mẽ. Theo văn nói cho rằng: Tỷ là cái đầu nghiêng qua. Thương Hiệt giải thích rằng: Tỷ là luôn luôn chân chánh. Trong kinh văn viết tỷ là chẳng phải thể vậy.

- **QUYỂN 9** : (Không có âm giải thích.)

**KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 10**

Ính trước. Lại viết ba chữ bính tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm bính mãnh. Quảng Nhã cho rằng: Bính là sáng tỏ. Trước là hiển lộ ra.

Tủng hạch văn cổ viết tủng từng từng ba chữ tượng hình cũng đồng. Nay lại viết chữ tủng này. Ngược lại âm tiên dững. Tủng gọi là ở phía trên cao. Ngược lại âm dưới là hồ cách. Nhĩ Nhã cho rằng: Góc lông gọi là hạch, cái cuống lông của con chim. Theo văn nói nhẹ như lông.

**KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 11**

Đường xúc. Ngược lại âm trượng canh. Theo văn nói cho rằng: Đường là trụ cột. Lại viết trành trành xúc. Nghĩa là xúc chạm; cũng gọi là lấy tay sờ mó xúc chạm, gõ, đánh gõ.

Thư thích. Ngược lại âm tri liệt. Ngược lại âm dưới là thức diệc. Thức diệc, theo chữ lâm thư. Thư thích là loại côn trùng có chất độc. Lại là âm hồ các. Ở Sơn Đông gọi là con giòi bò lút nhút.

Kháng xung. Ngược lại âm khổ lãng. Theo văn nói cho rằng: Kháng là chống cự lại, dùng sức mạnh xông lên, đâm thẳng vào.

Luy tích văn cổ viết Liệt tốc tích ba chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tài diệc. Theo văn nói cho rằng: Tích là gây óm, cũng gọi là mỏng manh.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIỆM LUẬN QUYỂN 12

Sâm một. Ngược lại âm sở âm. Quảng Nhã cho rằng: Sâm là thắm ướm hết. Theo văn nói cho rằng: Sâm là thắm xuống, làm cạn hết. Chữ viết từ bộ Tham.

Hoàng trùng. Ngược lại âm hồ quang hồ mãnh hai âm. Gọi là con châu chấu ở đất đầm lầy. Nay người ta gọi là con châu chấu biết bay, là con châu chấu sinh sản nhiều, đông đúc; châu chấu nhỏ gọi là trung, châu chấu lớn gọi là hoàng. Trong luận văn viết hoàng này nghĩa là con đĩa, chẳng phải nghĩa ở đây dùng. Chữ trung ngược lại âm chi dung.

Hoa nhung ngược lại âm nhi dung. Theo văn nói cho rằng: Nhung là loại cỏ mới mọc, nhu nhú, mơn mớn. Cũng theo văn nói viết nhung. Ngược lại âm nhi chí. Gọi là cơ mao trên rú xuống như lông mịn gọi là nhung.

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIỆM LUẬN QUYỂN 13

Trung đế. Lại viết đế cũng đồng; ngược lại âm đình kế. Thương Hiệt cho rằng: Đế là tiếng hắc hơi, hách xì từ nơi mũi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cố nói tức là đế, nêu ý, tỏ ý nói rằng: Các ông suy nghĩ tâm ta như vậy; ta tức là đế. Nay văn thường hay dùng gọi là hắc hơi, cũng gọi là đạo nhân ta đây cũng là do lời nói người xưa để lại vậy.

Nghịch liệu. Ngược lại âm lực nhiều. Sách Chu Lễ giải thích rằng: Cúng đèn nến hương liệu nơi mồ mã, phần mộ. Trịnh Huyền cho rằng: Phần mộ lớn; cũng gọi là cây ở ngoài cửa gọi là cây nến lớn; ở trong cửa gọi là liệu, là cháy lan. Thiên tử vì trăm họ, việc công là năm mươi hầu, bá tử là ba mươi. Trong luận văn viết hai chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là viết liệu đều chẳng phải vậy.

Hương liễm. Lại viết kiểm liêm hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm lực chiêm. Theo Vận Tập cho rằng: Liễm là hộp đựng cất những đồ trang sức của con gái, thâu góp các vật cất vào hộp. Tam thương giải thích rằng: Những dụng cụ rất nhiều, như tên các dụng cụ là gương lược v.v... các đồ trang sức. Nay gọi là hộp đựng phấn, son đều

cất trong hợp đều là vậy.

Sàm giáp. Ngược lại âm sĩ cam. Ngược lại âm dưới là thiên diệc. Theo văn nói cho rằng: Sàm là cây cuốc bén. Nay ở Giang Nam cho rằng: Sam giáp là cây thương bén. Trong luận văn lại viết sàm này là chẳng phải thể vậy.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 14

Ty mục. Ngược lại âm nữ lực. Theo văn nói cho rằng: Ty mục là lỗ mũi bị ra máu. Nay nói rằng: Mũi ra máu gọi là Ty mục, là ra máu cam.

KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM LUẬN
QUYỂN 15

Huyên hoa. Ngược lại âm hư nguyên. Âm dưới là hồ qua. Tam Thương giải thích rằng: Nói chuyện thao thao bất tuyệt. Hoa là lời nói huyên nào, ồn ào. Âm thao ngược lại âm đồ đao.

THUẬN TRUNG LUẬN - Tuệ Lâm soạn.

Hý lộng. Ngược lại âm trên là hy hy. Mao Thi Truyện cho rằng: Hý là làm trò vui, bông thả. Nhĩ Nhã cho rằng: Là làm trò hài hước vui cười. Quách Phác chú giải rằng: Là thổi sáo làm trò ca hát vui. Quảng Nhã cho rằng: Hý là làm trò vui. Theo sách sử ký cho rằng: Bạc Thiên tử là không có nói đùa. Theo văn cho rằng: Ba quân ở ngoài biên giới tiếng binh khí chạm nhau, tiếng hý vang của quân lính. Âm hý ngược lại là âm hy. Chử ly theo văn nói cho rằng: Chử viết từ bộ hổ đến bộ đậu. Trong luận văn viết khâu là chẳng phải vậy. Ngược lại âm dưới là lộc ? đống. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lộng hý là làm trò. Văn nói cho rằng: là vui đùa, chử viết từ bộ đến bộ cũng. Âm cũng là âm cộng. Nay

trong luận văn viết cộng thêm bộ viết thành lộng là chẳng phải vậy.

Đệ hổ. Ngược lại âm trên là đề lễ. Theo Khảo Thanh cho rằng: Đệ là thay thế. Lại cũng gọi là đổi phiên, thay phiên. Văn cổ viết đệ. Nay trong luận văn viết đế, hoặc là viết đệ nghĩa là đi đến, đều chẳng phải. Theo văn nói chữ viết từ bộ Xước thanh đệ, âm xước ngược lại là âm sủ được. Âm đệ ngược lại âm thiên y. Lại âm tư ngược lại âm dưới là hồ cố. Cố Dã Vương cho rằng: hổ là thay đổi nhau, thay phiên nhau. Theo văn nói chữ viết ở bộ trúc. Cố Dã Vương biên soạn viết bộ nha, hoặc viết tự bộ trúc viết thành chữ hổ. Nghĩa là người có thể thấu lấy sợi dây làm giềng mối. Nay tính lược bớt bộ trúc viết thành chữ hổ này là chữ tượng hình; trong giống như cái tay của người có thể cầm nắm, thúc đẩy ra. Trong luận văn viết hổ công là văn thông dụng thường hay dùng vậy.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN

(Vô Trước Bồ-tát tạo luận - Chân Đế Tam Tạng dịch - Tuệ Lâm soạn)

TỰA

Đồ điệp. Ngược lại âm trên là đồ hồ. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Gọi là Hà đồ bát quái; bài hát của Ngũ Tử, gọi là oán. Bắt đầu ở chỗ sáng mà không thấy là đồ, tức là vẽ bản đồ. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Người vẽ bản đồ xem xét có công lao, có lợi ích. Nói ở đời vốn là chép sử của vua, mà vẽ lên bức đồ án. Tống Trung chú giải rằng: Gọi là vẽ hình tượng vật trên đất, khiến cho người đến có thể xem; Theo văn nói gọi là bức vẽ thiết kế rất khó. Chữ viết từ bộ khẩu đến bộ nhất hồi. Ý nói rất khó vì bộ khẩu bị bao bởi bộ vi. Ngược lại âm dưới là quát điệp. Theo sách Hán Thư cho rằng: Khoát lên đồ ác gọi là Điệp. Tô Lâm cho rằng: Theo thứ tự mà chép phổ khắp. Người xưa cho rằng: Liên lạc với nhau bằng cách ghi lại các sự việc; cho rằng là Điệp trong Tả Truyện cho rằng: Nhận được điệp mà thối lui là vậy. Văn nói cho rằng: Điệp là bát đưng văn thư, chữ viết bộ tường thanh điệp. Âm điệp. Ngược lại âm lữ điệp.

An duệ. Ngược lại âm dinh huệ. Nghĩa giải thích đủ rồi. Trong kinh Bảo Tinh.

Sính trang tín. Ngược lại âm trên là đĩnh lĩnh. Âm đĩnh. Ngược lại âm trình trình. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Sính là thi đua. Đồ Dự

chú Tả Truyện rằng: Sinh là chạy nhanh. Quảng Nhã cho rằng là chạy. Theo văn nói cho rằng: Đánh ngựa chạy thẳng, chữ viết từ bộ mã thanh sinh âm sinh. Ngược lại âm thất đình. Âm giữa là trang trạng. Quảng Thất cho rằng: trang là sức mạnh. Theo văn nói gọi là lớn. Chữ viết từ bộ Tường thanh sĩ. Âm tường ngược lại là âm tương lương.

Phân tiêu. Ngược lại âm ai kêu. Mao Thi Truyện cho rằng: Cây đục đặt ngang dưới chiếc xe nhỏ. Theo văn nói cho rằng: Tiêu là cái hàm thiết ngựa, đặt một bên miệng ngựa gọi là tiêu. Chữ viết từ bộ Kim thanh tiêu. Âm tiêu ngược lại âm bao giao.

Tỷ phái. Ngược lại âm chưng mại. Quảng Nhã cho rằng: Phái là dòng nước chảy phân ra. Theo văn nói gọi là Dòng nước chảy phân ra làm đôi khác biệt rẽ ra hai dòng. Ngược lại là âm dã tàng. Trong bốn luận Vĩnh Kim viết từ bộ Thủy viết thành chữ phái, nghĩa là đất ấp an tên là chẳng phải. Phái là dòng nước phân rẽ chảy vậy.

Hụ thác. Ngược lại âm thang các. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Cái túi lớn gọi là bao. Cái túi nhỏ gọi là thác. Thương Hiệt cho rằng: Bao là cái túi, không có đáy, gọi là thác. Theo văn nói cho rằng: Chữ bao viết từ bộ Thanh tính thạch. Chữ thác ngược lại âm côn bồn.

Tông thiệp âm trên là tông lộng. Nghĩa đã giải thích đầy đủ; trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương đã giải thích xong.

Toàn ngưỡng. Ngược lại âm trên là toàn loan. Sách Luận Ngữ cho rằng: Toán là đầy đủ chắc chắn kiên cố. Trong Hán Thư cho rằng: Người lái buôn dùng nghệ thuật lấy dây da buộc ba mối lại gọi là toàn. Hiếu Công lại gọi là Toàn giống như chữ nghĩa là cái dùi đục có lỗ giữa; cũng gọi là cái tên để lựa chọn trị, sửa trị. Theo văn nói cho rằng toàn là cái dùi, cái khoan đục xuyên qua; chữ viết từ bộ Kim thanh toàn.

Du khóa. Ngược lại âm khoa hóa Đỗ Dự chú giải rằng: khoa là vượt qua bước qua, cởi gác lên. Cố Dã Vương cho rằng: Khóa là nhắc chân bước qua. Theo văn nói cho rằng: Khóa là vượt qua sông. Chữ viết từ bộ Túc thanh khoa âm khoa khóa.

Chỉ xích. Ngược lại âm trên là chi nhĩ. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Tám tấc gọi là một chỉ. Theo văn nói cho rằng: Hình trong tay của người phụ nữ dài tám tấc gọi là chỉ vòng quanh là một thước. Chữ viết từ bộ Xích thanh chỉ. Ngược lại âm dưới là xi chích. Theo văn nói cho rằng: Mười tấc tay của người là mười phân, động mạch là thốn khẩu. Mười thốn là một thước nhục. Cho nên nói một ngón tay là thước theo quy định của việc. Chung quanh việc chế ra thốn và tấc. Xích là thước, chỉ là gang gay là việc tầm thường. Lại nữa các nhà đo lường trắc

nghiệm đều lấy thân thể của con người làm phép để đo. Chữ viết từ bộ xích đến bộ ất. Sở ất là hiểu biết vậy.

Phương giới. Ngược lại âm giai mại. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: giới là nhà. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Giới là đến. Theo văn nói cho rằng: Giới rất cực cao, chữ viết từ bộ thi Thanh do.

Hỗn hào. Ngược lại âm trên là hỗn ổn. Quảng Nhã cho rằng: Hỗn là nước đục. Trịnh Huyền chú giải sách Khổng Ký rằng: Hỗn là tìm kiếm. Theo văn nói cho rằng: Hỗn là loạn. Chữ viết từ bộ Thủy thanh khốn. Trong bốn luận lại viết cổn âm cổn. Theo văn nói cho rằng: Nước chảy phong lưu chẳng phải vì bị ngăn trở nước đục vậy. Chữ khốn. Ngược lại âm hỗn khốn. Ngược lại âm dưới là hiệu giao. Giả quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hào là tạp. Quảng Nhã cho rằng: Hào là loạn. Theo văn nói cho rằng: Hào là nhằm lẫn sai sót. Chữ viết từ bộ Thù thanh hy. Âm Thù ngược lại âm thù. Hy, âm hào vậy. Trong bốn kinh viết từ bộ Thủy viết thành chữ hào cũng là chữ thường hay dùng vậy?

Mân việt. Ngược lại âm trên là mẫn bản. Sách Chu Lễ giải thích rằng: Mân là tên của một chủng tộc ở Phúc Kiến và một phần của Triết Đông tại Trung Quốc. Cũng là tên của nước, một trong mười nước thời Ngũ đại. Cuối đời Đường, Vương Triều làm Tiết độ sứ. Triều chết, con là Thảm Tri kế nghiệp, được phong làm Mân vương. Nay chiếm toàn tỉnh Phúc Kiến, trừ một nhỏ ở phía Nam. Truyền đến con là Diên Chính đổi quốc hiệu là Ân. truyền được ba đời, bảy vua. Đó là nhân của nước Mân. Nay gọi tắt là tỉnh Phúc Kiến. Trịnh Huyền chú giải rằng: Mân là tên khác của bảy đời nhà Chu chỗ phục quốc. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Mân là ở trong đảo. Quách Phác cho rằng: Mân Việt tức là Tây Âu. Nay gọi là Đạt An. Theo văn nói cho rằng: Mân là Đông nam gọi là chủng tộc rần, chữ từ bộ Trùng thanh môn. Âm trùng tức hủy diệt vậy.

Khảng khái. Ngược lại âm trên là khang lãng. Vương Dật chú giải sách Sở Tử rằng: Gọi là trung tình trong lòng ôm hận trái tim như ai cắt, lột ra từng đoạn. Theo văn nói cho rằng: Khảng khái là hiên ngang sảng khoái. Chữ viết từ bộ Tâm thanh khảng. Trong Bốn luận viết từ chữ khang viết thành chữ khảng là văn chữ thường hay dùng vậy. Chữ rất lâu lưu hành nơi thời đại. Âm khảng đồng với âm dưới là khai đại. Cố Dã Vương cho rằng: Chí ôm hận trong lòng, phần uất, thở than. Theo văn nói cho rằng: Khảng khái là bạc trắng sĩ quần chí, chí không toại nguyện, chữ viết từ bộ Thanh ký.

Phân ngu. Ngược lại âm trên là phán mẫn. Âm dưới là ngô câu.

Sách Hán Thư cho rằng: Tên một quận huyện ở tỉnh Quảng Đông. Nam Hải Trung Quốc. Theo văn nói cho rằng: Chữ Phan viết từ bộ Phan điền. Chữ tượng hình, chữ ngu viết từ bộ Điền thanh dữu. Âm phan tức là âm ban. Âm điền ngược lại âm bổ vật. Âm dữu ngược lại âm nhu cữu.

Âu dương nguy. Ngược lại âm trên là âu hầu. Âm dưới là nguy hủy. Tên họ của người. Quảng Nhã cho rằng: Nguy là an tĩnh. Theo văn nói cho rằng: Nguy là đầu tập trung trong sự nhàn tĩnh; chữ viết từ bộ Hiệt thanh nguy. Âm hiệt tức là âm hiệt là tốt lành vậy.

Địch trầm tế. Ngược lại âm trên là đình đích. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Địch là tẩy trừ đi. Trịnh Huyền chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Địch là tẩy rửa sạch sẽ. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Địch là quét trừ dơ bẩn cho sạch. Hà Hưu chú giải trong Công Dương Truyện rằng: Gọi là lấy nước tẩy rửa cho sạch sẽ. Theo văn nói cho rằng: Địch là rải tưới nước. Chữ viết từ bộ Thủy thanh điều. Âm giữa là phác lâm. Nhĩ Nhã cho rằng: Trầm là dừng lại. Cố Dã Vương cho rằng: trầm cũng giống như chữ luân nịch nghĩa là chìm đắm dưới nước. Theo văn nói cho rằng: Trầm một gọi là chìm trong vũng bùn đen hôn mê. Chữ viết từ bộ Thủy thanh chầm. Âm trầm ngược lại âm đình cảm. Âm trầm ngược lại âm dâm. Ngược lại âm dưới là tất kế. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: tế là bị chướng ngại, che đậy. Trong Luận ngữ cho rằng: Tế là lòng nhân tốt mà sự học hành không tốt, ngu muội. Cố Dã Vương cho rằng: Tế là tối tăm; không sáng suốt. Theo văn nói cho rằng: Tế là do bộ thảo nhỏ đến bộ cũng Thanh Tế.

Khuê vi. Ngược lại âm quan khuê. Theo sách Chu dịch cho rằng: khuê là quái lạ. Theo văn nói cho rằng: Khuê là con mắt không có tương xứng, gọi là mắt lé. Chữ viết từ bộ mục thanh kê.

Khuông nhiên. Ngược lại âm trên là khúc vương. Trịnh Huyền chú giải trong sách Lễ Ký rằng: Khuông là sợ sệt. Theo văn nói cho rằng: Khuông là khiếp sợ, nhát gan chữ viết từ bộ Tâm đến bộ Khuông thanh khuông vậy.

Âu Dương Hột. Ngược lại âm ngân hột. Tên của người; tức là thế tử của ông Dương Công Ngụy. Theo văn nói cho rằng: Hột tức là sợi tơ ở dưới, sợi chỉ khâu. Trong truyện Xuân Thu có Tạng Tôn Hột. Chữ viết từ bộ Mịch thanh nhất.

Cai duyệt. Ngược lại âm trên là cải ai. Giả Quỳ chú giải trong sách Quốc Ngữ rằng: cai tức là chuẩn bị. Tiếng địa phương cho rằng: Cai là bao gồm đầy đủ. Quảng Nhã cho rằng: Cai là bàn luận, sự vật phải trái tốt xấu, phê bình. Cũng gọi là bao quát. Văn nói cho rằng: Chữ

viết từ bộ Ngôn thanh khái. Giống như cai là bao gồm chuẩn bị đầy đủ tất cả chữ viết từ bộ nhật viết thành cai. Ngược lại âm dưới là duyên tuyết. Khảo Thanh cho rằng: duyệt là số đông, xác thật chính xác, gom góp lại, giản lược công nghiệp. Theo văn nói rằng: Duyệt là số đầy đủ ở trong cửa; chữ viết từ bộ (T638) môn, thanh duyệt.

Hiệp hiệp. Ngược lại âm trên là kiêm diệp. Âm dưới là hàm giáp. Nhĩ Nhã cho rằng: Tuổi rồi kể đến là tên; trong tuổi chưa đủ sức thì gọi là phải chung sức hiệp lực lại mới thành sức mạnh vậy.

Tuấn chỉ. Ngược lại âm trên là tuấn tuấn. Khổng Tử chú giải sách Thượng Thư rằng: Tuấn là núi cao lớn. Trịnh Huyền chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Tuấn là dài rộng, chữ trong sách chú giải rằng: Núi cao dựng đứng rất hiểm trở. Theo văn nói cho rằng: Tuấn là núi cao; chữ viết từ bộ tuấn viết thành tuấn. Âm tuấn đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là trừ lý. Theo văn nói cho rằng: Chỉ là do dự trừ trừ. Cố Dã Vương cho rằng: Gọi là dừng lại không muốn tiến lên phía trước, chữ viết từ bộ Chỉ thanh tự.

Tỳ vấn. Ngược lại âm trên là thất tỳ. Theo sách Lễ Ký cho rằng:, vật mà được nối lại thì nhân dân cho rằng không bảo đảm vì nó đã chết rồi. Trịnh Huyền cho rằng: giống như chữ Thố nghĩa là sai lầm. Theo văn nói chữ viết từ bộ Mịch thanh tỳ. Ngược lại âm dưới là vấn phần. Khổng Tử chú giải trong sách Thượng Thư rằng: Vấn là rối loạn. Theo văn nói và sách Thượng Thư cho rằng: có điều chỉnh mà không rối loạn, cũng gọi là nếu lưới có giềng có lớp lang thì không rối loạn, chữ viết từ bộ Thanh ty.

Phiếm giới chu. Ngược lại âm trên là phương kiếm. Âm giữa là giai ngộ. Theo sách Hán Thư cho rằng: Lấy màu xanh, màu tím đỏ phủ xuống đất, nhật hương thơm rắc lên. Trang Tử cho rằng: Đậy ly nước lại, để chỗ trung thấp; thì giới sẽ thành ra chu tức là màu đỏ. Nay tựa luận dẫn dùng; người nói pháp nguyên thâm sâu rộng vi diệu không thể nghĩ lường được; người trí tuệ cạn cợt tu từng bước vượt qua cái khó, chung quanh cũng như lấy vật nhỏ như hạt cải mở ra bỏ đi lấy phần cực nhỏ bên trong làm màu đỏ, rồi lấy nước sạch trong biển trộn vào tin đây là rất khó. Chữ trong sách gọi người ngu: Chữ viết từ bộ Thảo thanh giới.

Cự hác. Ngược lại là âm hà các. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ngoài biển Đông có hang lớn. Cố Dã Vương cho rằng: Dòng nước chảy. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Cái hầm sâu. Theo văn nói cho rằng: Là biển lớn, chữ viết từ bộ Hác thanh thổ. Âm hác đồng âm

trên.

Đài túc. Ngược lại âm trên là đại lai. Cố Dã Vương cho rằng: Con ngựa tồi, con ngựa hèn. Sở Từ cho rằng: Con ngựa chạy ngàn dặm là con ngựa hay, giỏi, mà không có chở đồ vật, dùng roi quất ngựa chạy là con ngựa hèn, ngựa tồi, chạy dành lấy đường. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ Mã thanh đài.

Tụ tước, Ngược lại âm trên là túng du. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tụ là chỗ đông người. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Là kiểm duyệt. Chữ trong sách giải thích rằng: Chứa nhóm nhiều. Theo văn nói cho rằng: là tụ hội. Chữ viết từ bộ Phái Thanh Thủ. Âm phái là ngâm. Ngược lại âm dưới là tiêu dục, chữ trong sách giải thích rằng: tước là cây thuốc lớn. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ Hỏa thanh tước. Luận bản cho rằng: Tước là văn chữ thường hay dùng cũng gọi là cây thuốc chữ cự viết từ bộ cũng viết thành chữ cự gọi là lấy cỏ rơm bó lại rồi đốt gọi là cây thuốc.

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN QUYỂN THƯỢNG

(Không có chữ có thể giải thích âm.)

QUYỂN TRUNG

Ám trung đằng. Ngược lại âm đặt đặng. Bì Thương cho rằng: Đằng là dây hồ ma. Quảng Nhã cho rằng: Là loại dây leo. Cố Dã Vương cho rằng: Theo chữ nay gọi là loại dây leo, dây sắn bò mọc tràn lan dưới đất gọi là đằng. Theo văn chữ tự điển nói rằng: Chữ viết từ bộ Thảo, Thanh đằng.

QUYỂN HẠ

Dĩ tiết xuất tiết ngược lại âm trên phổ tiên tiết. Chữ trong sách giải thích rằng: Tiết là vật mở ra đầy đủ. Trịnh Huyền chú giải trong sách Nghi Lễ rằng: Tiết là dùng cột trụ bốn bên thành cửa bằng sừng. Theo văn nói cho rằng: Tiết là cây cột khổng cửa hai bên. Chữ viết từ bộ Mộc thanh khiết. Âm sám. Ngược lại âm tử liêm cũng đồng âm tiết trên.

